

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ TRUYỀN THÔNG BẮC NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ TRUYỀN THÔNG BẮC NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC NAM COMMUNICATION AND TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAC NAM COMMUNICATION & TRANSPORT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108987254

3. Ngày thành lập: 14/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 1, Tổ 2, Thôn Miếu Thờ, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
2.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933(Chính)
4.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
5.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
6.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
7.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Đại lý du lịch	7911
10.	Điều hành tua du lịch	7912
11.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
15.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
16.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
17.	Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ hoạt động báo chí)	7420
18.	Quảng cáo	7310
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

20.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
21.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ: Sản xuất phim, chương trình truyền hình bị nhà nước cấm)	5911
22.	In ấn	1811
23.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
24.	Sao chép bản ghi các loại	1820
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn tổng hợp	4690
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
35.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
36.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
39.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
40.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
41.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
43.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

44.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
45.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
46.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
47.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
48.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
49.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
51.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
52.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
53.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
54.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
55.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ đầu giá tài sản; bán lẻ súng đạn, tem, tiền kim khí, vàng)	4789
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ đầu giá tài sản)	4791
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Loại trừ hoạt động đầu giá, loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4799
58.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
59.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
60.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
61.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
63.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4511
66.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
67.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4513
68.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

69.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4530
70.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4541
71.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Loại trừ hoạt động đấu giá	4543
73.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết - Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội	8230
75.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ nhập và xử lý dữ liệu	6311
76.	Hoạt động truyền hình Chi tiết: Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.	6021
77.	Hoạt động hậu kỳ	5912
78.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Loại trừ hoạt động xuất bản âm nhạc	5920
79.	Xuất bản phần mềm	5820
80.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
81.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
82.	Xây dựng nhà để ở	4101
83.	Xây dựng nhà không để ở	4102
84.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
85.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
86.	Xây dựng công trình điện	4221
87.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
88.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
89.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
90.	Xây dựng công trình thủy	4291
91.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
92.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
93.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
94.	Phá dỡ	4311
95.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
96.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
97.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

98.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
99.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
100.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
101.	Hoạt động chiếu phim	5914